Ủy ban Dân tộc
22.03.2023 11:22:14 +07:00

ỦY BAN DÂN TỘC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 405 /UBDT-VPCTMTQG V/v Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ	*Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025; văn bản số 1744/VPCP-QHĐP ngày 17/3/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban Dân tộc trả lời kiến nghị về khó khăn, vướng mắc của một số địa phương liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(Kèm theo nội dung trả lời và hướng dẫn chi tiết theo từng Dự án)

Ủy ban Dân tộc trân trọng gửi đến các địa phương để biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó Thủ tướng CP Trần Lưu Quang (để b/c);
- BT, CN (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, VPCTMTQG. 5

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Y Vinh Tơr

ỦY BAN DÂN TỘC

TỔNG HỢP Ý KIẾN TRẢ LỜI CỦA ỦY BAN DÂN TỘC THEO CÔNG ĐIỆN SỐ 71/CĐ-TTG

(Tài liệu kèm theo Công văn số 405/UBDT-VPCTMTQG ngày 21/3/2023 Ủy ban Dân tộc)

DA	ĐỊA PHƯƠNG	NỘI DUNG VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN	TRẢ LỜI CỦA ỦY BAN DÂN TỘC
DỰ ÁN 1			
12	TỈNH YÊN BÁI	Tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT hướng dẫn "nhà ở dột nát, hư hỏng là loại nhà tạm, nhà dột nát theo quy định của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện tiêu chí về nhà ở nông thôn". Tuy nhiên, hiện nay Bộ Xây dựng mới ban hành Thông tư số 01/2022/TT-BXD hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững, chưa có hướng dẫn cho hỗ trợ nhà ở thuộc CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN	Tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT tại nội dung giải thích từ ngữ "nhà ở bị dột nát, hư hỏng là loại nhà tạm, nhà dột nát theo quy định của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện tiêu chí về nhà ở nông thôn". Hiện nay, Bộ Xây dựng đã hướng dẫn tại công văn số 117/BXD-QHKT ngày 21/01/2015 theo đó "nhà tạm, nhà dột nát là loại nhà xây dựng bằng các vật liệu tạm thời, dễ cháy, có niên hạn sử dụng dưới 5 năm hoặc không đảm bảo "3 cứng" (nền cứng, khung cứng, mái cứng); thiếu diện tích ở, bếp, nhà vệ sinh theo quy định; không đảm bảo an toàn cho người sử dụng". Đề nghị đại phương nghiên cứu, triển khai theo quy định.
17	TỈNH BẮC CẠN	Theo điểm b mục 5 Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, quy định: "Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác". Tuy nhiên, thực tế còn có trường hợp một số hộ gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo do UBND cấp xã quản lý đã được hỗ trợ về nhà ở theo các chương trình, đề án, chính sách như:	Đề nghị tỉnh Bắc Kạn nghiên cứu đối tượng được hỗ trợ nhà ở của Chương trình quy định tại điểm b, khoản 1, mục III, phụ lục Chương trình, Quyết định 1719/QĐ-TTg và điều 6, Thông tư 02/2022/TT-UBDT để triển khai theo quy định. Theo đó đối tượng hỗ trợ nhà ở gồm: "hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng".

		134, 167, ...và các Chương trình, chính sách khác của nhà nước và tổ chức, chính trị -xã hội hoặc các tổ chức xã hội khác có thời gian khoảng trên dưới 10 năm. Đến nay tình trạng nhà ở của các hộ gia đình đã xuống cấp không đảm bảo tiêu chí 3 cứng, có trường hợp nhà ở đã bị hư hỏng dột nát có nguy cơ sụp đổ cao; một số hộ chỉ được hỗ trợ phần mái nhà hoặc tấm lợp từ các chương trình, chính sách khác. Cá biệt có trường hợp chỉ được hỗ trợ khoảng 5 - 10 tấm lợp phibroxi măng trong các đợt bị ảnh hưởng bởi thiên tai, mưa bão. Các đối tượng thuộc trường hợp nêu trên không được hỗ trợ nhà ở theo CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN thì rất khó khăn về nhà ở.	Các hộ nghèo đã được hỗ trợ về nhà ở theo các chương trình, đề án, chính sách như: 134, 167, ...và các Chương trình, chính sách khác của nhà nước và tổ chức, chính trị -xã hội hoặc các tổ chức xã hội khác nhưng đến nay tình trạng nhà ở xuống cấp, hư hỏng, dột nát thì vẫn thuộc đối tượng của Chương trình
20	TỈNH BẮC CẠN	Về cách thức thực hiện Dự án 1 tại Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBDT, Nội dung hướng dẫn còn chung chung, chưa cụ thể và khó thực hiện.	Đề nghị tỉnh Bắc Kạn nghiên cứu thêm Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định 1719/QĐ-TTg, Quyết định 04/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-UBDT của Uỷ ban Dân tộc, Thông tư 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành khác để đảm bảo đủ thông tin và triển khai theo quy định
21	TỈNH BẮC CẠN	Về vốn vay tín dụng: Tại Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBDT chưa đề cập đến chính sách cho vay vốn tín dụng tại các nội dung về hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất; đồng thời tại mục 1, 2 văn bản số 1314/UBDT-CSDT ngày 16/8/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị định 28/2022/NĐ-CP có một số nội dung chưa đồng nhất với quy định tại Điều 5, Điều 9 Thông tư 02/2022/TT-UBDT.	Vay vốn tín dụng chính sách thực hiện được Chính phủ quy định rất rõ tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022; đối tượng chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt đã quy định rõ tại Quyết định 1719/QĐ-TTg, Thông tư 02/2022/TT-UBDT; do đó đề nghị tỉnh Bắc Kạn nghiên cứu kỹ các văn bản nêu trên, triển khai thực hiện

22	TỈNH BẮC CẠN	Về cơ chế quản lý và thanh quyết toán: Tại khoản 3 Điều 12 Thông tư 02/2022/TT-UBDT quy định: UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện: "3. Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các nội dung đủ điều kiện áp dụng cơ chế đặc thù quy định tại Chương IV Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ do cộng đồng tự thực hiện". Nội dung hướng dẫn còn chung chung, chưa cụ thể và khó thực hiện.	Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 quy định về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Đề nghị tỉnh nghiên cứu, triển khai theo quy định.
23	TỈNH BẮC CẠN	Hỗ trợ nhà ở: Theo khoản 1, Điều 7, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT quy định: "Hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương; nội dung hỗ trợ áp dụng theo quy định tại điểm c khoản 5 mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ". Tuy nhiên tại Thông tư chưa đề cập đến hỗ trợ sửa chữa nhà ở; việc hỗ trợ nhà theo Quyết định 1719/QĐ-TTg là nguồn đầu tư, còn hỗ trợ nhà theo Chương trình giảm nghèo thuộc nguồn vốn sự nghiệp do vậy địa phương còn lúng túng trong việc áp dụng nội dung hỗ trợ theo Chương trình giảm nghèo.	Căn cứ Quyết định 1719/QĐ-TTg, Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình. Nội dung hỗ trợ nhà ở được tính toán, phân bổ từ nguồn vốn đầu tư. Hiện nay, các Bộ ngành đang nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong đó bổ sung hướng dẫn cơ chế đặc thù triển khai chính sách nhà ở.
25	TỈNH BẮC CẠN	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 9 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT có nhiều bất cập:- Các hộ không được tự khai hoang, cải tạo hoặc chuyển nhượng. Cơ quan nhà nước không thể thực hiện việc khai hoang diện tích theo định mức (khoảng 0,6 ha đối với đất nương rẫy, soi bãi) cho 01 hộ với mức 22,5 triệu đồng.- Các hộ gia đình không	Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chinh phủ quy định về hỗ trợ đất sản xuất như sau: "Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất"; do đó không quy định phương thức hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước cho các đối tượng thụ hưởng tự chuyển nhượng, khai hoang. Tại Điều

		tự chuyển không tự khai hoang, phục hóa nên sẽ không được vay vốn từ NHCSXH, trong khi tại Điều 23 Nghị định 28/2022/NĐ-CP quy định mức cho vay hỗ trợ đất sản xuất không quá 77,5 triệu đồng/hộ. Hiện nay các tỉnh đã được giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay hỗ trợ đất sản xuất, nếu quy định như vậy sẽ khó giải ngân vốn vay và chưa đúng quy định tại Nghị định 28/2022/NĐ-CP.- Mâu thuẫn với nội dung hướng dẫn tại mục 1, 2 văn bản số 1314/UBDT-CSDT ngày 16/8/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị định 28/2022/NĐ-CP đối tượng chưa có đất sản xuất được chính quyền địa phương phê duyệt, tự mua, chuyển nhượng, tự khai hoang, phục hóa thì nằm trong đối tượng vay vốn theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP.	22, Nghị định 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định "khách hàng được vay vốn để sử dụng vào trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất hoặc chi phí học nghề, chuyển đổi nghề" do đó các đối tượng chưa có đất sản xuất, được chính quyền địa phương phê duyệt thì được vay vốn để để tạo quỹ đất sản xuất (gồm cả các hộ tự khai hoang, phục hoá, tự mua, chuyển nhượng).Đối với kiến nghị bổ sung thêm cách thức hỗ trợ vốn từ Ngân sách nhà nước cho phép hộ gia đình tự khai hoang, cải tạo hoặc chuyển nhượng là hoàn toàn phù hợp với đề xuất của Uỷ ban Dân tộc khi xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình. Uỷ ban Dân tộc xin tiếp thu ý kiến của địa phương và sẽ tổng hợp kiến nghị với cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định
24	TỈNH BẮC CẠN	Nội dung tại điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT chưa thực sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Mục 1 Chương II Thông tư số 15/2022/TT-BTC. Trong đó, nội dung quy định tại Thông tư 15/2022/TT-BTC cụ thể theo từng trường hợp, cách thức chuyển đổi nghề, phù hợp với lĩnh vực chi Bộ TC đã giao tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC ngày 10/6/2022. Ngược lại, theo nội dung quy định tại Thông tư 02/2022/TT-UBDT thì cách thức thực hiện chuyển đổi nghề trong các trường hợp là giống nhau, khó thực hiện.	Tại điểm b khoản 2 điều 9 Thông tư 02/2022/TT-UBDT quy định "Căn cứ danh sách các hộ dân được hỗ trợ chuyển đổi nghề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh sách đăng ký của các hộ dân về phương thức thực hiện hỗ trợ, UBND cấp xã tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện (mua sắm máy móc, nông cụ, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, học nghề, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh khác) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, cơ quan công tác dân tộc cấp huyện kiểm tra, báo cáo UBND cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân và thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành" là hoàn toàn phù hợp với Quyết định

			1719/QĐ-TTg, Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình và Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính. Tại khoản 1, điều 5, Thông tư 15/2022/TT-BTC hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp cho chính sách chuyển đề nghề quy định "Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ 01 lần chuyển đổi nghề. Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác. Trường hợp không có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc thì được hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Quy trình, phương thức hỗ trợ thực hiện theo hướng dẫn của Uỷ ban Dân tộc". Các phương thức hỗ trợ giữa 2 Thông tư là đồng nhất với nhau. Nhằm triển khai chính sách hiệu quả, thiết thực với người dân, các đối tượng thụ hưởng chính sách được đăng ký lựa chọn phương thức hỗ trợ phù hợp với hoàn cảnh gia đình, nhu cầu thực tế trên cơ sở các phương thức hỗ trợ đã được quy định. Đề nghị tỉnh Bắc Kạn triển khai theo đúng quy định
33	TỈNH SƠN LA	Địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong triển khai một số Thông tư, văn bản hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, cụ thể: (1)Thông tư số 02/2022/TT-UBDT đã hướng dẫn thực hiện Dự án 1, tuy nhiên chưa có quy định về định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt tập trung. (2) Tại điểm a, điểm b	1. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 4/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 quy định về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế

		khoản 1 Điều 9 Thông tư 02/2022/TT-UBDT không có quy định về trường hợp các hộ dân tự nhận chuyển nhượng đất sản xuất; nhưng tại điểm b khoản 2 Văn bản 1314/UBDT-CSDT ngày 16/8/2022, Uỷ ban Dân tộc có nêu về nội dung các hộ dân tự nhận chuyển nhượng đất sản xuất khi thực hiện vay vốn hỗ trợ từ NHCSXH. Quy định này dẫn đến hộ dân tự nhận chuyển nhượng đất không được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. (3) Đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề hiện nay được giao theo hai mục chi sự nghiệp bảo đảm xã hội (mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác) và chi sự nghiệp giáo dục (hỗ trợ đào tạo học nghề), như vậy khi triển khai cấp cơ sở phải thực hiện theo hình thức tương ứng, nhưng thực tế khi đăng ký nhu cầu, hình thức hỗ trợ thì người dân ít có nhu cầu hỗ trợ học nghề. (4) Trong văn bản số 262/UBDT- CTMTQG ngày 24/02/2022 của Uỷ ban Dân tộc trình phương án phân bổ kế hoạch 5 năm có xác định: Số nhà tạm của Tỉnh Sơn La là 660 nhà, số hộ hỗ trợ đất ở là 1700 hộ. Qua làm việc với các huyện thì nhu cầu thực tế số nhà tạm cao hơn và số hộ hỗ trợ đất lại thấp hơn so với số được giao trên.	- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.2. Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chinh phủ quy định về hỗ trợ đất sản xuất như sau: "Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất"; do đó không quy định phương thức hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước cho các đối tượng thụ hưởng tự chuyển nhượng, khai hoang. Tại Điều 22, Nghị định 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định "khách hàng được vay vốn để sử dụng vào trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất hoặc chi phí học nghề, chuyển đổi nghề" do đó các đối tượng chưa có đất sản xuất, được chính quyền địa phương phê duyệt thì được vay vốn để tạo quỹ đất sản xuất (gồm cả các hộ tự khai hoang, phục hoá, tự mua, chuyển nhượng). Do đó các hộ dân tự nhận chuyển nhượng đất sản xuất khi được vay vốn từ NHCSXH.3. Uỷ ban Dân tộc sẽ tổng hợp, điều chỉnh trong các năm tiếp theo4. Đề nghị địa phương rà soát, triển khai thực hiện theo tình hình thực tế và các quy định hiện hành.
55	TỈNH BÌNH ĐỊNH	Nội dung: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề theo Thông tư số 02/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc và Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính chỉ quy định mức hỗ trợ tối đa (03 triệu đối với hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và 10 triệu đối với hỗ trợ chuyển đổi nghề) mà không quy định số lượng cụ thể được hỗ trợ nên không tạo được sự thống nhất trong quá trình hỗ trợ của địa phương.	Đề nghị tỉnh Bình Định rà soát tình hình thực tế để triển khai đảm bảo đúng đối tượng, thực hiện theo đúng quy định về mức hỗ trợ, phương thức triển khai Thông tư số 02/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc và Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính

57	TỈNH KHÁNH HÒA	Tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022: UBND xã vận động các hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà. Đề nghị hướng dẫn cụ thể	Về cơ chế đầu tư xây dựng nhà ở cho các đối tượng thụ hưởng, hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong đó có nội dung hướng dẫn cơ chế hỗ trợ đầu tư nhà ở. Dự kiến Nghị định sửa đổi sẽ ban hành trong quý I năm 2023
62	TỈNH GIA LAI	Đối với nội dung "Hỗ trợ đất sản xuất" thuộc Dự án 1 (Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030: Qua rà soát, trên địa bàn của nhiều huyện thuộc tỉnh Gia Lai hiện không có quỹ đất để hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất, vì vậy để thực hiện được nội dung này cần sửa đổi Thông tư 02/2022/TT-UBDT theo hướng cho phép người dân được chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng đất sản xuất bằng nguồn kinh phí được hỗ trợ.	Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về hỗ trợ đất sản xuất như sau: "Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất"; do đó không quy định phương thức hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước cho các đối tượng thụ hưởng tự chuyển nhượng, khai hoang. Uỷ ban Dân tộc xin tổng hợp, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ về nội dung trên
64	TỈNH LÂM ĐỒNG	Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2022/TT-UBNT quy định nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện hỗ trợ nhà ở được áp dụng theo quy định tại điểm c khoản 5 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 có quy định nội dung hỗ trợ "Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m2 "3 cứng" (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên" nhưng chưa quy định định mức hỗ trợ của ngân sách nhà	Ngày 23 tháng 02 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

		nước đối với 01 căn nhà.	
65	TỈNH LÂM ĐỒNG	Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT quy định "UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện: 1. Xây dựng quy trình rà soát đối tượng; quy định đối tượng ưu tiên; rà soát, lập và phê duyệt danh sách đối tượng, công trình làm cơ sở để triển khai tổ chức thực hiện theo quy định". Hiện nay, chưa có quy trình rà soát đối tượng; quy định đối tượng ưu tiên; rà soát, lập và phê duyệt danh sách đối tượng, công trình làm cơ sở để triển khai thực hiện theo quy định.	Đề nghị tỉnh Lâm Đồng nghiên cứu các văn bản hiện hành, tình hình thực tế tại địa phương để chủ động xây dựng quy trình rà soát đối tượng và triển khai theo đúng hướng dẫn.
66	TỈNH LÂM ĐỒNG	Điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư số 02/2022/TT-UBNT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc có quy định "Căn cứ danh sách các hộ dân được hỗ trợ chuyển đổi nghề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh sách đăng ký của các hộ dân về phương thức thực hiện hỗ trợ, UBND cấp xã tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện (mua sắm máy móc, nông cụ, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, học nghề, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh khác) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, cơ quan công tác dân tộc cấp huyện kiểm tra, báo cáo UBND cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân và thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành"; Hiện nay, chưa có quy định định mức hỗ trợ và hướng dẫn cấp phê duyệt, danh sách đăng ký của các hộ dân về phương thức thực hiện hỗ trợ.	Mức hỗ trợ chính sách chuyển đổi nghề được quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính trong đó quy định mức hỗ trợ tối đa chuyển đổi nghề là 10 triệu đồng/hộ. Căn cứ Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT quy định "UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện: 1. Xây dựng quy trình rà soát đối tượng; quy định đối tượng ưu tiên; rà soát, lập và phê duyệt danh sách đối tượng, công trình làm cơ sở để triển khai tổ chức thực hiện theo quy định" do đó cấp phê duyệt do địa phương quyết định theo tinh thần phân cấp, phân quyền.
72	TỈNH SÓC TRĂNG	Thông tư số 02/2022/TT-UBDT chưa quy định, hướng dẫn rõ: (1) Việc cấp phát, thanh toán cho các đối tượng được hưởng cách chính sách hỗ trợ đất ở,	1. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính

		nhà ở, đất sản xuất sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển; (2) Chưa quy định rõ trường hợp địa phương còn quỹ đất nhưng các hộ có nhu cầu tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì UBND cấp huyện hướng dẫn các hộ thụ hưởng chính sách thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Do vậy, các tỉnh không còn quỹ đất sản xuất không thể thực hiện hỗ trợ nội dung này; (3) Các kinh phí hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất được cấp theo nguồn vốn đầu tư phát triển, không phải vốn sự nghiệp như Chương trình giảm nghèo nên rất khó thực hiện; (4) Thiếu các quy định các đối tượng đối với các đối tượng thụ hưởng chính sách nhà ở từ các chính sách trước đây có được hưởng theo chính sách tại Quyết định 1719/QĐ-TTg hay không? trong khi nhà ở của các hộ đã được hưởng theo các chính sách trước (Quyết định số 134/20224/QĐ-TTg, số 167/2008/QĐ-TTg) đều bị hư hỏng.	phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong đó có quy định cụ thể về cơ chế và quy trình cấp phát, thanh toán cho các đối tượng được hưởng cách chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển.2. Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chinh phủ quy định về hỗ trợ đất sản xuất như sau: "Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất"; do đó không quy định phương thức hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước cho các đối tượng thụ hưởng tự chuyển nhượng, khai hoang. 4. Đối tượng được hỗ trợ nhà ở của Chương trình quy định tại điểm b, khoản 1, mục III, phụ lục Chương trình, Quyết định 1719/QĐ-TTg và điều 6, Thông tư 02/2022/TT-UBDT để triển khai theo quy định. Theo đó đối tượng hỗ trợ nhà ở gồm "hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng".Các hộ nghèo đã được hỗ trợ về nhà ở theo các chương trình, đề án, chính sách khác nhưng đến nay tình trạng nhà ở xuống cấp, hư hỏng, dột nát thì vẫn thuộc đối tượng của Chương trình.
DỰ ÁN 2			
13	TỈNH THÁI NGUYÊN	Đối với dự án 2- Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Điều 16, Thông tư 02/2022/TT-UBDT quy định UBND cấp tỉnh chỉ đạo,	Nội dung này phân cấp cho địa phương, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan tham mưu cấp tỉnh nghiên cứu Quyết định số 1719/QĐ-TTg,

		hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện: "1. Xây dựng quy trình rà soát đối tượng….". Đề nghị hướng dẫn quy trình cụ thể	Thông tư 02/2022/TT-UBDT và các văn bản pháp luật hiện hành để tổ chức triển khai theo đúng quy định
26	TỈNH BẮC CẠN	Ngày 12/9/2022 Ủy ban Dân tộc đã ban hành văn bản số 1500/UBDT-CSDT triển khai thực hiện Dự án 2 của Chương trình (hướng dẫn bổ sung nội dung tại Thông tư 02). Tuy nhiên, nội dung hướng dẫn vẫn còn chung chung trích dẫn lại nội dung tại Thông tư 02/2022/TT-UBDT và chủ yếu trích lại quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ gây khó khăn cho địa phương không biết căn cứ vào quy định nào để hướng dẫn, tổ chức thực hiện, từ rà soát xác định đối tượng, ưu tiên hỗ trợ, lập, thẩm định phê duyệt dự án	Nội dung này phân cấp cho địa phương, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan tham mưu cấp tỉnh nghiên cứu Quyết định số 1719/QĐ-TTg, Thông tư 02/2022/TT-UBDT và các văn bản pháp luật hiện hành để tổ chức triển khai theo đúng quy định.
59	TỈNH BÌNH THUẬN	Thiếu những quy định, hướng dẫn và chưa rõ trình tự thủ tục khi cần điều chỉnh một số hạng mục cần được đầu tư, hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế so với đề xuất trước đây để thực hiện Dự án 2.	Nội dung này đã được phân cấp cho địa phương
DỰ ÁN 3			
19	TỈNH BẮC CẠN	Địa phương gặp khó khăn áp dụng thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc quy định: "Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số".	Quy định trên được căn cứ theo khoản 5 Điều 20, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
29	TỈNH PHÚ THỌ	Về nội dung Thúc đẩy khởi sự kinh doanh thuộc Nội dung số 3, Tiểu dự án 2, Dự án 3 Quy định đối tượng được hỗ trợ chưa rõ ràng, cụ thể: (1) Theo khoản 1 Điều 25 Thông tư 02/2022/TT-UBDT, "Doanh nghiệp, HTX đang hoạt động trên địa bàn các xã ĐBKK thuộc vùng ĐBDTTS&MN có kế hoạch mở	Ủy ban Dân tộc tiếp thu và sửa đổi nội dung này tại Thông tư số 02/2022/TT-UBDT

		rộng kinh doanh, sản xuất."; (2) Theo khoản 2 Điều 25 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT, "Các doanh nghiệp, HTX mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động trên địa bàn các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.". Bên cạnh đó, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT chưa có quy định cụ thể rõ ràng về đối tượng mở rộng sản xuất kinh doanh và mới thành lập. Đề nghị bổ sung đối tượng vào Thông tư số 02/2022/TT-UBDT	
49	TỈNH PHÚ THỌ	Về nguyên tắc thực hiện tại Điều 26, Thông tư 02/2022/TT-UBDT và Thông tư 15/2022/TT-BTC Chỉ quy định chung chung phải có hợp đồng thu mua sản phẩm cho ít nhất 15 hộ gia đình thuộc địa bàn xã khu vực III. Tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng về hợp đồng, hồ sơ thanh toán, hình thức thanh toán.	***Chuyển Bộ Tài chính trả lời***
16 (50)	TỈNH PHÚ THỌ	Về hình thức thanh toán các khoản hỗ trợ cho mô hình, Thông tư 02/2022/TT-UBDT và Thông tư 15/2022/TT-BTC chưa quy định cụ thể hình thức thanh toán, chỉ hướng dẫn về mức hỗ trợ đối với nội dung này	***Chuyển Bộ Tài chính trả lời***
36(60, 71)	TỈNH SƠN LA, ĐĂK NÔNG (60), HẬU GIANG (71)	CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN; CTMTQG giảm nghèo bền; CTMTQG xây dựng nông thôn mới chưa quy định mức hỗ trợ tối đa cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia chương trình, nhiệm vụ, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.Về nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế cho cộng đồng (Tiểu dự án 3 Dự án 3), hiện nay định mức hỗ trợ chưa được Trung ương quy định.	Tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.Tại

			điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là cơ quan chủ quản chương trình) là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.Căn cứ các quy định nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.
58	TỈNH NINH THUẬN	Hiện nay, Ủy ban dân tộc đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chương trình và Bộ Tài Chính có Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình. Tuy nhiên tại các Thông tư nói trên chưa hướng dẫn nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế như thế nào, do đó tại địa phương nội dung này chưa triển khai thực hiện được.	Đề nghị tỉnh căn cứ các nội dung quy định về việc thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Điều 17. Nguyên tắc thực hiện, Điều 18. Xây dựng kế hoạch và danh mục dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, Điều 19. Quản lý, tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, Điều 20. Quản lý, tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng, Điều 22. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ và hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban

			Dân tộc; Điều 11. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, Điều 12. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế của Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính; Điều 20. Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, Điều 21. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, Điều 22. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ để triển khai thực hiện.
70	THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Tiểu dự án Dự án 3 của Chương trình có nội dung "Hỗ trợ xây dựng và vận hành thí điểm các Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại một số địa phương", trong đó có Cần Thơ. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể về thực hiện dự án này.	Ủy ban Dân tộc đang phối hợp với các cơ quan chức năng nghiên cứu xác định phương án triển khai các mô hình thí điểm
DỰ ÁN 5			
4	TỈNH HÀ GIANG, BẮC CẠN, SƠN LA, QUẢNG TRỊ, QUẢNG NGÃI, NINH THUẬN, HẬU GIANG, SÓC TRĂNG	Ủy ban Dân tộc chưa ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, đối tượng 4 theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022.	Ủy ban Dân tộc đang khẩn trương chỉnh sửa, hoàn thiện bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3, nhóm đối tượng 4 (theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, đã được tích hợp với Nội dung Bồi dưỡng kiến thức dân tộc Tiểu Dự án 2 Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) đảm bảo tiến độ, thời gian, quy trình, quy định và chất lượng. Dự kiến ban hành trong tháng 3/2023
5	TỈNH HÀ GIANG, BẮC CẠN, SƠN	Ủy ban Dân tộc chưa có văn bản hướng dẫn về chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số và việc	Ủy ban Dân tộc tiếp thu và bổ sung nội dung này tại Thông tư số 02/2022/TT-UBDT

	LA, ĐIỆN BIÊN, QUẢNG TRỊ, THỪA THIÊN HUẾ, KHÁNH HÒA, SÓC TRĂNG	phân công, phân cấp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số trong triển khai thực hiện Tiểu dự án 2, Tiểu dự án 5 thuộc Dự án 5 theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 45 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022	
6 (11, 34, 44, 56)	TỈNH HÀ GIANG, YÊN BÁI, BẮC CẠN, SƠN LA (34), QUẢNG TRỊ, QUẢNG NGÃI, NINH THUẬN, GIA LAI, LÀO CAI (11), NGHỆ AN (44), KHÁNH HÒA (56)	Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT, các địa phương phải căn cứ vào Khung Chương trình và Bộ Tài liệu đào tạo do Ủy ban Dân tộc ban hành để thực hiện nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình. Quy định này gây khó khăn cho sự chủ động của các địa phương khi Ủy ban Dân tộc chưa ban hành Bộ tài liệu đào tạo	Ủy ban Dân tộc tiếp thu và sửa đổi nội dung này tại Thông tư số 02/2022/TT-UBDT theo hướng phân cấp cho địa phương
8	TỈNH TUYÊN QUANG	Tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của UBDT chưa có Đối tượng đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học theo quy định tại điểm b, khoản 5, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.	Sửa đổi, bổ sung Điều 47, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Uỷ ban Dân tộc theo hướng bổ sung đối tượng là nhóm các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030
27	TỈNH BẮC CẠN	Văn bản số 490/UBDT-HVDT ngày 17/5/2019 của Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn rõ cơ sở đào tạo nào ở cấp tỉnh được tổ chức bồi dưỡng và được cấp chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng kiến thức dân tộc. Do vậy, địa phương gặp khó khăn triển khai thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT quy định "UBND cấp tỉnh tổ chức bồi dưỡng	Việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng đã được quy định tại điểm 4, Điều 41 và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đã được quy định tại Điều 43 của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai

		kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 2, 3, 4 thuộc thẩm quyền quản lý".	đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản quy phạm của các bộ ngành liên quan
30	TỈNH PHÚ THỌ	Về nội dung đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học thuộc tiểu dự án 2, Dự án 5: Theo Thông tư 02/2022/TT-UBDT, việc đào tạo dự bị đại học, đại học thực hiện theo quy trình khép kín, từ dự bị đại học lên đại học và được thực hiện theo phương thức ký kết hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học. Đối tượng được đào tạo Dự bị đại học (Thông tư 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021) thực hiện theo chế độ cử tuyển, tuy nhiên thực tế hiện nay, với chính sách tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy nhà nước, việc bố trí đối tượng này sau khi đào tạo xong là hết sức khó khăn. Do vậy, vấn đề đặt ra nếu áp dụng theo chế độ cử tuyển, cử đối tượng đi đào tạo mà không có phương án bố trí công việc sau khi ra trường sẽ gây lãng phí rất lớn cho ngân sách nhà nước. Nội dung này, trung ương chưa có quy định cụ thể, rõ ràng nên địa phương gặp rất nhiều khó khăn khi triển khai thực hiện.	Đối tượng Dự bị đại học theo Thông tư 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021, trong đó có đối tượng là thí sinh cử tuyển theo quy định tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số (tại Mục a, khoản 2, Điều 3). Chỉ tiêu cử tuyển được xét và giao cho Ủy ban nhân dân các tỉnh dựa trên nhu cầu, đề xuất của địa phương được quy định tại Điều 7, Nghị định 141/2020/NĐ-CP. Sau khi tốt nghiệp, người học theo chế độ cử tuyển được xét tuyển, bố trí việc làm được quy định tại Điều 12 của Nghị định 141/2020/NĐ-CP. Việc bố trí việc làm sau khi ra trường đối với người học theo chế độ cử tuyển thuộc trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (quy định tại khoản 1, Điều 19 của Nghị định 141/2020/NĐ-CP).
32	TỈNH BẮC GIANG	Quy định tại khoản 2 Điều 47, khoản 2 Điều 49 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của UBDT chưa phù hợp với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; chưa rõ rõ ràng về mức hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học để thực hiện.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 49 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT theo hướng bám sát hơn những quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.
23(37)	TỈNH LAI CHÂU	Chưa thống nhất về đối tượng cụ thể về "Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3 và 4 cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 771/QĐ-TTg và đối tượng thuộc lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên	Ủy ban Dân tộc tiếp thu và sửa đổi bổ sung nội dung này tại Thông tư số 02/2022/TT-UBDT

		địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" giữa quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư 02/2022/TT-UBDT và điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư 15/2022/TT-BTC.	
2 (47)	TỈNH QUẢNG TRỊ	Chưa có sự thống nhất giữa điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư 15/2022/TT-BTC và khoản 2 Điều 49 Thông tư 02/2022/TT-UBDT về thực hiện nội dung đào tạo đại học, đào tạo sau đại học. Sự không thống nhất này gây nên khó khăn cho địa phương khi triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, nếu thực hiện theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-UBDT các địa phương khó có điều kiện xác định số lượng, theo dõi, quản lý việc học tập của sinh viên đại học.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 49 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT theo hướng bám sát hơn những quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính
51	TỈNH QUẢNG NGÃI	Chưa hướng dẫn rõ quy trình lựa chọn đối tượng, hình thức ký kết hợp đồng đào tạo thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 5.	Việc quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế tài chính thực hiện bồi dưỡng kiến thức dân tộc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 -

			2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 - 2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước; Luật đấu thầu, Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ và các văn bản quy định, hướng dẫn hiện hành
54	TỈNH BÌNH ĐỊNH	Chưa có khung chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn về nâng cao chất lượng dạy và học đối với trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú; chưa có hướng dẫn xác định cơ sở đào tạo đủ điều kiện để tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ đào tạo; chưa có hướng dẫn về định mức kinh phí thực hiện hoạt động bồi dưỡng, tập huấn; chưa có hướng dẫn về tài liệu, học liệu liên quan đến công tác xóa mù chữ và tổ chức thiết kế các thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 5 của Chương trình.	***Chuyển Bộ GD&ĐT trả lời***
63	TỈNH GIA LAI	Nội dung 2 - Tiểu dự án 2 - Dự án 5 (Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học): Về quy định đối tượng sinh viên học đại học: Tại mục 2, Điều 47, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Uỷ ban Dân tộc về hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình MTQG quy định chỉ những sinh viên sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học được tiếp nhận vào các cơ sở giáo dục đại học thì mới	Sửa đổi, bổ sung Điều 47, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Uỷ ban Dân tộc theo hướng bổ sung đối tượng là nhóm các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030

		thuộc đối tượng hưởng chính sách đào tạo đại học thuộc Chương trình MTQG; như vậy thiệt thòi cho sinh viên người DTTS sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN sau khi học xong THPT được tuyển (thi hoặc xét tuyển thẳng) vào các Trường đại học, dẫn tới chính sách không công bằng.	
74	TỈNH KIÊN GIANG	Đối tượng thụ hưởng của 03 CTMTQG trùng lặp nhau (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người lao động có thu nhập thấp) nên công tác đào tạo gặp nhiều khó khăn, có nhiều đối tượng thuộc 03 CTMTQG học cùng một lớp.	Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Đối tượng thụ hưởng của tiểu dự án 4, Dự án 5 của Chương trình là: + Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực;+ Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.Để đảm bảo đối tượng tập huấn không trùng lặp giữa 3 chương trình. Đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang rà soát đối tượng theo đúng quy định đảm bảo không chồng chéo,

			trùng lặp đối tượng giữa 3 chương trình mục tiêu quốc gia.
DỰ ÁN 9			
7(11, 38)	TỈNH HÀ GIANG, TUYÊN QUANG, YÊN BÁI, SƠN LA, ĐIỆN BIÊN, ĐẮK NÔNG, LÀO CAI (11), LAI CHÂU (38)	Trung ương chưa phê duyệt Danh sách các thôn có dân tộc khó khăn đặc thù thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 9 của Chương trình. Do đó, địa phương không có cơ sở để lập, thẩm định và phê duyệt Đề án thành phần nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù và phân bổ vốn để thực hiện dự án.	UBDT đang xây dựng Đề án trình Chính phủ
9 (1, 41)	TỈNH TUYÊN QUANG, ĐIỆN BIÊN (1, 41)	Tại Điều 56 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của UBDT chưa có đối tượng Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định 1227/QĐ-TTg, chưa thống nhất với quy định tại tại Điều 43, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính. Quy định về đối tượng hỗ trợ trong thực hiện nội dung "Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào" thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 9 chưa có sự thống nhất giữa Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 3/10/2022; Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 (Điều 43); Thông tư só 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 (khoản 1 Điều 56).	UBDT đang nghiên cứu xây dựng đề án để báo cáo TTCP xin ý kiến về giải pháp thực hiện
10 (11)	TỈNH TUYÊN QUANG, YÊN BÁI, THÁI NGUYÊN, QUẢNG TRỊ, QUẢNG NGÃI,	Tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ có quy định "Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt". Tuy nhiên, mặc dù Bộ	UBDT đang nghiên cứu xây dựng đề án để báo cáo TTCP xin ý kiến về giải pháp thực hiện

	KHÁNH HÒA, NINH THUẬN, GIA LAI, LÀO CAI (11)	Tài chính đã phân bổ nguồn vốn sự nghiệp để triển khai nội dung này, nhưng địa phương không thể sử dụng nguồn vốn sự nghiệp đã được phân bổ uỷ thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn vay vốn phát triển sản xuất do chưa có văn bản hướng dẫn uỷ thác đối với nguồn vốn sự nghiệp được giao để hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế cho các hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn trong Nội dung 2, Tiểu Dự án 1, Dự án 9.	
11	TỈNH LÀO CAI	Thông tư số 02/2022/TT-UBDT hướng dẫn thực hiện một số nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình. Tuy nhiên, Dự án 9 chưa hướng dẫn nội dung thực hiện mô hình nâng cao chất lượng dân số đối với thôn có đông đồng bào DTTS ít người	UBDT đang nghiên cứu xây dựng đề án để báo cáo TTCP xin ý kiến về giải pháp thực hiện
38	TỈNH LAI CHÂU	Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022, theo đó tại Điều 54 đến Điều 58 quy định đối tượng thụ hưởng chính sách của tiểu dự án 1 thuộc dự án 9 từ nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ chi cho các dân tộc có khó khăn đặc thù; còn dân tộc còn gặp nhiều khó khăn không thuộc đối tượng thụ hưởng.	UBDT đang nghiên cứu xây dựng đề án để báo cáo TTCP xin ý kiến về giải pháp thực hiện
45	TỈNH HÀ TĨNH	Các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc khó khăn đặc thù và các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại các Dự án khác của Chương trình (khoản a, mục 9, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021). Đề nghị bỏ quy định này	UBDT đang nghiên cứu xây dựng đề án để báo cáo TTCP xin ý kiến về giải pháp thực hiện

DỰ ÁN 10			
18 (69)	TỈNH BẮC CẠN, TRÀ VINH (69)	Chưa có hướng dẫn cụ thể việc tích hợp một số dự án, chính sách đang thực hiện theo giai đoạn 2021-2025 vào Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN như: (1) Tích hợp Đề án 498 vào Tiểu dự án 2 DA9 thuộc CTMTQG; (2) Tích hợp thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg vào Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10 CTMTQG; (3) Tích hợp thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025" vào Dự án 8 thuộc CTMTQG.Đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét bổ sung nội dung: UBND cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện giai đoạn 2023-2025, trong tổ chức thực hiện Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN, Dự án 9; Về phát huy vai trò người có uy tín thuộc Nội dung số 01: Biểu dương tôn vinh người có uy tín, phát huy vai trò người có uy tín; Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thuộc Dự án 10 tại Thông tư 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc để có cơ sở thống nhất cho địa phương thực hiện.	Đối tượng, nguyên tắc thực hiện, nội dung và hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào vùng đồng bào DTTS và miền núi đã được quy định cụ thể tại từ Điều 67 đến Điều 70 của Thông tư 02/2022/TT-UBDT. Tại Nội dung số 02: "Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số" thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia (Quyết định 1719/QĐ-TTg) giao "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất"; điểm a khoản 3 Điều 84 của Thông tư 02/2022/TT-UBDT giao "UBND cấp tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư này đảm bảo phù hợp, và tuân thủ quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình". Bên cạnh đó, Ủy ban Dân tộc đã phân bổ kinh phí cả giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương để tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia. Vì vậy, UBND cấp tỉnh căn cứ vào các quy định nêu trên và quy định tại tiểu mục 1.2 mục 1 của Phụ lục X ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

			và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thuộc dự án 10 đã được Ủy ban Dân tộc phân bổ cho cả giai đoạn 2021-2025 để xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện nội dung trên cho cả giai đoạn và hằng năm
20(35)	TỈNH SƠN LA	Thông tư 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của UBDT hướng dẫn triển khai Tiểu dự án 2 Dự án 10 trên cơ sở Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, chưa hướng dẫn rõ những nội dung để thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2021-2030. Bên cạnh đó, tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC không có hướng dẫn chi của nội dung này.	UBDT đang tham mưu, xây dựng dự thảo Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức triển khai Chương trình MTQG DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 (Đề án). Dự thảo Đề án đang được xin ý kiến góp ý của Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 196/UBDT-VPCTMTQG ngày 17/02/2023. Tại dự thảo Đề án xác định thực hiện 05 Nhiệm vụ trọng tâm:+ Nhiệm vụ 1: Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình;+ Nhiệm vụ 2: Xây dựng Cổng thông tin thành phần Chương trình;+ Nhiệm vụ 3: Xây dựng Hệ thống họp trực tuyến;+ Nhiệm vụ 4: Xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu chuyên gia;+ Nhiệm vụ 5: Tổ chức các hoạt động Hội nghị, Hội thảo, Tập huấnĐây là 5 nhiệm vụ được Văn phòng điều phối CTMTQG xác định là trọng tâm cần tập trung triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025. Để thực hiện 5 nhiệm vụ này, Đề án nêu ra 7 giải pháp

			chính là: (1) Chuyển đổi nhận thức; (2) Kiến tạo thể chế; (3) Phát triển nguồn nhân lực; (4) Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số; (5) Xây dựng các hạng mục hạ tầng CNTT và quản trị, vận hành, đào tạo, bảo trì; (6) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng; (7) Huy động nguồn lực triển khai Đề án. - Về định mức chi và nguồn vốn thực hiện Đề án được quy định Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính "quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025" và hướng dẫn bổ sung tại Văn bản số 11290/BTC-HCSN ngày 02/11/2022 của Bộ Tài chính về tham gia góp ý dự thảo Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Theo đó các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án thực hiện theo Khoản 4 Điều 4 và Điều 58 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính. Đối với các nội dung thực hiện bằng hình thức mua sắm hoặc thuê dịch vụ từ nguồn chi thường xuyên thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu
21 (42)	TỈNH QUẢNG NINH	Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, các bộ, ngành trung ương ban hành chỉ số, biểu mẫu và hệ thống giám sát, đánh giá CTMTQG. Đến nay chưa được các bộ, ngành ban hành.	Ủy ban Dân tộc đã ban hành Thông tư số 01/2022/TT-UBDT quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

			tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
48	TỈNH QUẢNG TRỊ	Tại Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT không quy định rõ thực hiện Đề án chuyển đổi số theo phê duyệt của cấp nào (trung ương hay địa phương)?	Tại Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT quy định thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên cơ sở Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt được hiểu là Đề án do Trung ương ban hành hoặc Đề án do cấp Tỉnh ban hành. Đối với Đề án do cấp Tỉnh ban hành đề nghị cần trao đổi, thống nhất với Uỷ ban Dân tộc trước khi phê duyệt nhằm đảm bảo các phần mềm, ứng dụng này không trùng lặp, chồng chéo, manh mún giữa các địa phương, tránh lãng phí nguồn lực cho nhiệm vụ này.
52 (61)	TỈNH QUẢNG NGÃI, ĐĂK NÔNG (61)	Chưa hướng dẫn xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số và quy trình xây dựng mô hình điển hình tiên tiến. Đối với lực lượng cốt cán, hiện nay chưa có văn bản nào quy định, hướng dẫn về tiêu chí lựa chọn, công nhận và thẩm quyền phê duyệt.	UBDT đang nghiên cứu xây dựng đề án để báo cáo TTCP xin ý kiến về giải pháp thực hiện
53	TỈNH QUẢNG NGÃI	Chưa hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2 của dự án 10 nên không thể lập danh mục dự án đầu tư.	Nội dung Chuyển đổi số được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 82, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Uỷ ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình MTQG DTTS&MN, trong đó nêu rõ: "Thực hiện trên cơ sở Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN, Thông tư số 15/2022/TT-BTC và các quy định

			hiện hành"Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành: - Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước. Thông tư này quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước có mức kinh phí trên 200 triệu đồng đến 1,5 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng CNTT. Thông tư này quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm: Tổng mức đầu tư, dự toán, định mức chi phí, đơn giá ứng dụng CNTT
73	TỈNH KIÊN GIANG	Việc triển khai hướng dẫn đối với công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh theo Quy trình được quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBDT cũng rất khó khăn do có rất nhiều số liệu thống kê, liên quan đến nhiều mẫu biểu tổng hợp nhưng Ủy ban Dân tộc vẫn chưa hướng dẫn, hỗ trợ các tỉnh kết nối, đưa vào vận hành được hệ thống thông tin quản lý số liệu ứng dụng các giải pháp số	UBDT đang tham mưu, xây dựng dự thảo Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức triển khai Chương trình MTQG DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 (Đề án). Dự thảo Đề án đang được xin ý kiến góp ý của Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 196/UBDT-VPCTMTQG ngày 17/02/2023. Tại dự thảo Đề án xác định thực

		hóa.	hiện 05 Nhiệm vụ chính, trong đó Nhiệm vụ: Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hệ thống thông tin) được xác định là trọng tâm và quan trọng nhất.Hệ thống thông tin được coi là phiên bản trên nền tảng số của Thông tư số 01/2022/TT-UBDT trong đó diễn giải và chi tiết các số liệu, kết nối các mẫu biểu đồng thời có chức năng chính là thu thập tổng thể dữ liệu việc thực hiện 10 Dự án thành phần thuộc Chương trình MTQG DTTS&MN tại Trung ương và Địa phương, từ đó phân tích, xử lý số liệu phục vụ việc quản lý Chương trình.Sau khi Đề án được phê duyệt, việc xây dựng Hệ thống thông tin sẽ thực hiện theo Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ và quy định hiện hành về đấu thầu. Dự kiến thời gian hoàn thiện và đưa vào khai thác là Quý IV năm 2023 bao gồm triển khai Hệ thống thông tin trên phạm vi toàn quốc và tổ chức đào tạo, tập huấn Hệ thống này
KHÁC			
14	TỈNH THÁI NGUYÊN	Tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ: "1.2. Xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: 28 xã". Đề nghị điều chỉnh phù hợp thực tiễn địa phương	Đối tượng thụ hưởng của một số dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình là các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu. Tỉnh Thái Nguyên có 34 xã, trong đó có 15 xã khu vực III và 19 xã an toàn khu thuộc khu vực II và khu vực I thuộc đối tượng thụ hưởng của một số dự án, tiểu dự án. Trên cơ sở đối tượng thụ hưởng, Uỷ ban Dân tộc đề xuất Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho địa phương số lượng xã thoát khỏi diện đầu từ một số dự án, tiểu dự án của Chương trình (xã hoàn thành mục

			tiêu của Chương trình) là 28 xã, trong đó có 19 xã an toàn khu là xã khu vực II và khu vực I và 9 xã khu vực III. Việc giao chỉ tiêu như trên đảm bảo tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho xã, thôn bản có điều kiện khó khăn nhất.
15	TỈNH THÁI NGUYÊN	Tại Điều 3 Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 quy định: "Các xã khu vực III đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực". Đề nghị cho các xã này tiếp tục hưởng chế độ các xã khu vực III.	Theo quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, xã đạt chuẩn nông thôn mới là xã đạt 5 nhóm tiêu chí, gồm 19 tiêu chí: Quy hoạch, giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thông tin truyền thông, nhà ở dân cư, thu nhập, hộ nghèo, lao động có việc làm, tổ chức sản xuất, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, môi trường và an toàn thực phẩm, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, quốc phòng và an ninh. Như vậy, các xã đạt chuẩn nông thôn mới cơ bản là các xã phát triển.Tại Điều 3 Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 quy định: "Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực" Do vậy, khi các xã khu vực III, khu vực II được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có

			thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực là phù hợp với tình hình thực tế.
16	TỈNH THÁI NGUYÊN	Hướng dẫn đối với các xã, thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi sau khi sáp nhập (không có tên theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Uỷ ban Dân tộc hoặc sau khi sáp nhập thì thực hiện các chính sách dân tộc nói riêng và các chính sách khác nói chung như thế nào) để địa phương có căn cứ để thực hiện phân bổ vốn và triển khai thực hiện Chương trình cũng như áp dụng các chính sách khác có liên quan.	Ngày 24/10/2022, Ủy ban Dân tộc đã ban hành văn bản số 1773/UBDT-CSDT chỉ đạo các địa phương rà soát điều chỉnh, bổ sung danh sách xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có rà soát các xã, thôn chia tách, sáp nhập, thành lập mới và đề xuất xác định khu vực đối với xã, diện đặc biệt khó khăn đối với thôn sau sáp nhập. Sau khi các địa phương có kết quả rà soát, Ủy ban Dân tộc sẽ tổng hợp, thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Về hướng dẫn thực hiện các chính sách sau sáp nhập: Giai đoạn 2019-2021 thực hiện theo Nghị quyết 04/NQ-CP ngày 12/01/2021 của Chính phủ.Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tham mưu xây dựng Nghị quyết của UBTVQH về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. UBDT đã có văn bản góp ý đưa nội dung quy định áp dụng các chính sách đối với các xã, thôn sau sáp nhập.
28	TỈNH BẮC CẠN	Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, Bộ Tài chính giao vốn sự nghiệp cho địa phương chi tiết theo lĩnh vực đối với từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, dẫn đến khó thực hiện, có nội dung thiếu vốn, có nội dung thừa vốn làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân. Trong khi đó, địa phương lại không có thẩm quyền điều chỉnh giữa kinh phí thuộc lĩnh vực sự nghiệp đang dư vốn sang các lĩnh vực sự nghiệp khác đang thiếu vốn. Theo đó ngày 31/8/2022, tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Công văn số 5779/UBND-TH báo cáo và đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh nguồn kinh phí. Đến	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 là Chương trình có tính chất đặc thù với những nội dung và mục tiêu mang tính chất tổng thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với 10 Dự án, 14 Tiểu Dự án và và 36 Nội dung đặc thù được tích hợp từ hơn 100 chính sách dân tộc có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực; trong đó, các nội dung chi vốn sự nghiệp phần lớn là những chính sách

		ngày 17/10/2022, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 1095/BTC-VP trả lời "do phương án phân bổ vốn sự nghiệp của NSTW năm 2022 do Ủy ban Dân tộc chủ trì đề xuất. Vì vậy Bộ Tài chính chuyển văn bản số 5779/UBND-TH của UBND tỉnh Bắc Kạn đến Ủy ban Dân tộc để trả lời địa phương". Đến nay, địa phương vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi của Ủy ban Dân tộc.	hỗ trợ cho con người. Vì vậy, rất khó khăn trong việc xác định chính xác các nội dung theo lĩnh vực chi cho các Dự án, Tiểu Dự án, Nội dung thành phần của Chương trình để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022 . Tuy nhiên, để kịp thời tổng hợp dự kiến phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 theo lĩnh vực chi gửi Bộ Tài chính rà soát, thẩm định và giao dự toán cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo quy định tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban Dân tộc đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tổng hợp, điều chỉnh, cân đối và dự kiến phương án phân bổ để đảm bảo tổng mức chi theo từng lĩnh vực chi của Chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội. Trong quá trình xây dựng kế hoạch vốn năm 2022, năm 2023, Ủy ban Dân tộc đã nhiều lần kiến nghị Bộ Tài chính không phân bổ vốn sự nghiệp của Chương trình theo lĩnh vực chi và đề nghị thực hiện theo phương án trung ương giao tổng mức vốn sự nghiệp cho các địa phương theo dự án, ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định chi tiết lĩnh vực chi phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; nhưng đến nay vẫn chưa được chấp

			thuận.Ủy ban Dân tộc không nhận được văn bản số 1095/BTC-VP ngày 17/10/2022 của Bộ Tài chính, tuy nhiên theo văn bản số 5779/UBND-TH ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn kiến nghị "điều chỉnh giữa kinh phí thuộc lĩnh vực sự nghiệp đang dư vốn sang các lĩnh vực sự nghiệp khác", Ủy ban Dân tộc đề nghị địa phương căn cứ quy định Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Quyết định của Bộ Tài chính để triển khai thực hiện theo đúng quy định.
31	TỈNH BẮC GIANG	Giai đoạn 2021-2025, theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 thì ở các xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn tồn tại các thôn đặc biệt khó khăn và thực tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 25 thôn đặc biệt khó khăn tại 11 xã khu vực I. Đề nghị bổ sung các đối tượng này để được hỗ trợ bảo đảm công bằng	Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Uỷ ban Dân tộc và các bộ, ngành liên quan đã rà soát, tổng hợp đối tượng thụ hưởng của Chương trình làm căn cứ để phân bổ nguồn lực đầu tư, hỗ trợ theo quy định. Đối với các dự án, tiểu dự án, nội dung chương trình mà đối tượng thụ hưởng là thôn đặc biệt khó khăn thì các thôn đặc biệt khó khăn của xã khu vực I đã được tổng hợp vào đối tượng thụ hưởng của Chương trình.
39	TỈNH LAI CHÂU	Điểm a khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: "Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương". Đối với các tỉnh ngân sách chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách trung ương như tỉnh Lai	Việc bố trí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi được quy định trên cơ sở có xác định tỷ lệ cụ thể về mức phụ thuộc ngân sách trung ương. Đề nghị địa phương quan tâm bố trí đủ để đảm bảo thực hiện mục tiêu của chương trình

		Châu việc bố trí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện là rất khó khăn.	
40	TỈNH LAI CHÂU	Hiện nay toàn tỉnh Lai Châu còn 28 bản thuộc các huyện nghèo chưa có điện lưới quốc gia (kinh phí đầu tư khoảng 350 tỷ đồng). Đây là các bản đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chinh phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Uỷ ban Dân tộc đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan ra soát, tổng hợp đối tượng thụ hưởng của Chương trình, xây dựng phương phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các bộ, ngành và địa phương giai đoạn 2021 - 2025và Thủ tướng Chính phủ đã giao vốn trung hạn của Chương trình tại Quyết định số 652/QĐ-TTg. Uỷ ban Dân tộc đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai châu căn cứ nguồn vốn đã được phân bổ giai đoạn 2021 - 2025; ưu tiên, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư hỗ trợ mạng lưới điện cho 28 thôn đặc biệt khó khăn của tỉnh theo quy định.
43	TỈNH QUẢNG NINH	Theo quy định của Quyết định số 1719/QĐ-TTg thì đối tượng thụ hưởng của một số dự án, tiểu dự án chỉ là hộ nghèo, cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số nghèo và địa bàn thụ hưởng là các xã, thôn, bản đặc biệt khó	Quảng Ninh là địa phương không sử dụng ngân sách trung ương. Do vậy, đề nghị địa phương chủ động xây dựng và triển khai các Đề án, Chương trình của địa phương trên cơ sở các nội dung của

		khăn. Trong khi đối với một số tỉnh như Quảng Ninh thì đối tượng theo quy định này còn rất ít, có nội dung dự án không có đối tượng thụ thưởng. Đề nghị có cơ chế riêng cho các địa phương tự chủ được ngân sách	Chương trình với đối tượng, địa bàn phù hợp với mục tiêu phát triển của tỉnh
46 (15)	TỈNH HÀ TĨNH, THỪA THIÊN HUẾ (15)	Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (Khoản 5 Điều 7 Quyết định 39/2021/QĐ-TTG ngày 30/12/2021). Đề nghị bổ sung quy định đối với các tỉnh có phạm vi đối tượng hẹp. Tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định của Trung ương cao, nguồn thu ngân sách tỉnh/huyện/xã còn thấp nên khó khăn trong việc cân đối nguồn vốn. Nguồn vốn đầu tư công trung hạn và dự toán chi năm 2022 (bao gồm cả vốn đầu tư và thường xuyên) đã được phân bổ từ đầu thời kỳ trung hạn và đầu năm, trong khi đó vốn ngân sách trung ương giao muộn nên khó khăn trong việc cân đối dự toán ngân sách địa phương năm 2022 cho các dự án đầu tư. Đề nghị bỏ quy định vốn đối ứng.	Việc bố trí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi được quy định trên cơ sở có xác định tỷ lệ cụ thể về mức phụ thuộc ngân sách trung ương. Đề nghị địa phương quan tâm bố trí đủ để đảm bảo thực hiện mục tiêu của chương trình
50	TỈNH QUẢNG NAM	Việc xác định phương pháp chấm điểm phân bổ vốn theo quy định tại Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ (phương pháp tính điểm) mâu thuẫn với quy định của ngành lâm nghiệp (phương pháp tính toán trên cơ sở khối lượng X định mức/ha). Từ đó, dẫn đến việc phân bổ nguồn NSTW chưa sát với nhu cầu kinh phí theo khối lượng	Quốc hội đã thông qua chủ trương đồng ý cho chuyển nguồn vốn NSTW của Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 sang thực hiện trong năm 2023. Đề nghị địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện sớm theo quy định

		của địa phương. Năm 2022, tổng kinh phí phân bổ từ nguồn Trung ương cho tỉnh Quảng Nam 99.807,00 triệu đồng, tuy nhiên, căn cứ định mức quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC và nhu cầu khối lượng thực tế thì tỉnh Quảng Nam chỉ cần 36.334,00 triệu đồng. Nguồn kinh phí còn dư không có nhu cầu sử dụng đề nghị điều chuyển để thực hiện dự án khác hoặc cho chuyển sang sử dụng năm 2023 là 63.473,00 triệu đồng.	
67	TỈNH ĐỒNG NAI	Chưa ban hành quy định thôn, ấp đạt điều kiện tại Điều 2 vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của TTgCP.	Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 10/3/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2020 quy định: Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là các xã, thôn có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số từ 15% trở lên. Phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển thành 3 khu vực và thôn đặc biệt khó khăn để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, giao Ủy ban Dân tộc tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành các tiêu chí phân định, giao Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I; Ủy ban Dân tộc quyết định công nhận danh sách các thôn đặc biệt khó khăn.Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ

			tướng Chính phủ giao, Ủy ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các địa phương, căn cứ tiêu chí quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg, Ủy ban Dân tộc đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025
68	TỈNH ĐỒNG NAI	Tỉnh Đồng Nai đã lấy ý kiến UBDT về Đề án CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN của Tỉnh. Tuy nhiên, đến nay chưa nhận được ý kiến của UBDT (văn bản số 703/BDT-NVDT ngày 06/7/2022).	Ủy ban Dân tộc nhất trí với Đề án của tỉnh. Về nguồn lực, đề nghị tỉnh chủ động cân đối, phân bổ nguồn lực để đạt được mục tiêu của Đề án.
3	TỈNH BẠC LIÊU	Theo quyết định số 1100/QĐ-BTC ngày 10/6/2022, Tỉnh được giao chi tiết thực hiện Dự án 3 và Dự án 4. Tuy nhiên, Bạc Liêu không còn xã, ấp đặc biệt khó khăn nên không thể sử dụng vốn được giao.	Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu kỹ nội dung, đối tượng, địa bàn của Tiểu Dự án 1, Dự án 3 và Tiểu Dự án 1, Dự án 4 Chương trình Chương trình mục tiêu quốc gia DTTS&MN (Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát riển nông thôn Hướng dẫn một số hoạt động về Lâm nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

			phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Điều 9, Điều 10, Điều 16, Điều 17 Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính để triển khai thực hiện. Trường hợp không còn đối tượng, nhiệm vụ chi trên địa bàn tỉnh; đề nghị rà soát trả lại ngân sách theo đúng quy định.